

SỞ Y TẾ SƠN LA
BVĐK KHU VỰC PHÙ YÊN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 383 /CV-BVPY
Về việc yêu cầu báo giá

Phù Yên, ngày 20 tháng 10 năm 2026

YÊU CẦU BÁO GIÁ

Kính gửi: Các nhà cung cấp dịch vụ tại Việt Nam

Bệnh viện đa khoa khu vực Phù Yên có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá kế hoạch, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu gói thầu: **Mua hoá chất, vật tư dùng cho máy xét nghiệm và test nhanh chẩn đoán năm 2026-2027 của Bệnh viện đa khoa khu vực Phù Yên** với nội dung cụ thể như sau:

1. Đơn vị yêu cầu báo giá: Bệnh viện đa khoa khu vực Phù Yên.

Địa chỉ: tiểu khu 1, xã Phù Yên, tỉnh Sơn La.

2. Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá

- Hội đồng xây dựng danh mục, yêu cầu về thông số kỹ thuật (Theo quyết định số 492/QĐ-BVPY ngày 14/9/2026 của Bệnh viện đa khoa khu vực Phù Yên).

- Số điện thoại: 0911.216.456 (Ds.Mai)

3. Cách thức tiếp nhận báo giá

- Online (Qua website muasamcong.mpi.gov.vn)

- Để thuận lợi cho quá trình tổng hợp: Đề nghị Quý đơn vị gửi 01 bản giấy trực tiếp (hoặc chuyển phát nhanh) tại địa chỉ: Phòng Quản lý chất lượng - Bệnh viện đa khoa khu vực Phù Yên, xã Phù Yên, tỉnh Sơn La.

- Nhận qua email: phongqlclbvpy@gmail.com

4. Số lượng, thời hạn tiếp nhận báo giá

4.1.Số lượng báo giá: Để thuận lợi cho quá trình tổng hợp. Đề nghị quý công ty gửi **02 bản báo giá**, gồm:

- 01 File mềm (Theo mẫu tại phụ lục kèm theo).

- 01 file scan có dấu xác nhận của đơn vị.

4.2. Thời hạn nhận báo giá, hiệu lực báo giá

***Thời gian tiếp nhận báo giá:** Từ ngày 21/10/2026 đến trước 08 giờ 00 phút ngày 02/11/2026. Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

***Thời hạn có hiệu lực của báo giá:** Tối thiểu 90 ngày kể từ ngày đơn vị báo giá.

Rất mong nhận được sự quan tâm và hợp tác của các quý công ty.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Như Kính gửi;
- HĐ KHKT BV;
- HĐ Xây dựng danh mục (Theo Quyết định số 492/QĐ-BVPY ngày 14/9/2026)
- Bộ phận CNTT (KS.Việt Anh): Đăng tải: mạng đấu thầu Quốc gia và Website bệnh viện;
- Lưu: VT, HST.

**TUQ.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Vi Duy Hiệp

Phụ lục 01

Danh mục: Mua hoá chất, vật tư dùng cho máy xét nghiệm và test nhanh chẩn đoán năm 2026-2027 của

Bệnh viện đa khoa khu vực Phù Yên

(Kèm theo Công văn số: 383 /CV - BV PY ngày 20/10/2026 của Bệnh viện đa khoa khu vực Phù Yên)



STT		Danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng Dự kiến	Ghi chú
1	Phần 1 - Mua hóa chất, vật tư dùng cho máy xét nghiệm sinh hóa tự động sử dụng nguyên lý phân tích đo độ hấp thụ quang học, đo độ đục (27 mặt hàng)				
1.1	Hóa chất định lượng Albumin		ml	3,600	
1.2	Hóa chất định lượng GPT/ALT		ml	13,140	
1.3	Hóa chất định lượng GOT/AST		ml	13,140	
1.4	Hóa chất định lượng Protein		ml	2,160	
1.5	Hóa chất định lượng Bilirubin trực tiếp		ml	1,920	
1.6	Hóa chất định lượng Bilirubin toàn phần		ml	1,920	
1.7	Hóa chất định lượng Gamma -GT (GGT)		ml	1,752	
1.8	Hóa chất định lượng Amylase		ml	912	
1.9	Hóa chất định lượng Cholesterol		ml	10,800	
1.10	Hóa chất định lượng Triglycerides		ml	10,800	
1.11	Hóa chất định lượng LDL Cholesterol		ml	7,900	
1.12	Hóa chất định lượng Creatinine		ml	14,400	
1.13	Hóa chất định lượng Glucose		ml	10,074	
1.14	Hóa chất định lượng Urea		ml	16,872	
1.15	Hóa chất định lượng Uric Acid		ml	1,368	
1.16	Hoá chất định lượng C-reactive protein (CRP)		ml	1,350	
1.17	Hoá chất hiệu chuẩn C-reactive protein (CRP)		ml	25	
1.18	Hoá chất định lượng HbA1c		ml	3,430	
1.19	Hoá chất hiệu chuẩn HbA1c		ml	10	



STT	Danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng Dự kiến	Ghi chú
1.20	Hóa chất kiểm chuẩn HbA1c mức dương	ml	12	
1.21	Hóa chất kiểm chuẩn HbA1c mức âm	ml	12	
1.22	Bóng đèn dùng cho máy xét nghiệm sinh hóa	Cái	8	
1.23	Hóa chất kiểm chuẩn mức thấp cho máy sinh hóa	ml	200	
1.24	Hóa chất kiểm chuẩn mức cao cho máy sinh hóa	ml	200	
1.25	Hóa chất hiệu chuẩn cho máy sinh hóa	ml	120	
1.26	Dung dịch rửa máy phân tích sinh hóa	ml	60,000	
1.27	Hoá chất hiệu chuẩn xét nghiệm LDL-C	ml	20	
2	Phần 2 - Mua hóa chất, vật tư dùng cho máy xét nghiệm huyết học tự động sử dụng phương pháp SF để đếm WBC, 5 thành phần bạch cầu và NRBC kết hợp phương pháp trở kháng cho RBC và PLT (8 mặt hàng)			
2.1	Hoá chất pha loãng	ml	4,000,000	
2.2	Hoá chất ly giải	ml	148,000	
2.3	Hoá chất ly giải	ml	40,000	
2.4	Hoá chất ly giải	ml	104,000	
2.5	Hóa chất nhuộm tế bào	ml	2,000	
2.6	Hóa chất nhuộm tế bào	ml	1,440	
2.7	Hóa chất kiểm chuẩn	ml	135	
2.8	Dung dịch rửa máy	ml	5,000	
3	Phần 3 - Mua hóa chất, vật tư dùng cho máy xét nghiệm Miễn dịch sử dụng nguyên lý đo Phosphatase kiềm, hóa phát quang kết hợp enzym, đếm photon (39 mặt hàng)			
3.1	Hóa chất định lượng free thyroxine (FT4)	Test	5,000	
3.2	Hóa chất định lượng free triiodothyronine (FT3)	Test	5,000	
3.3	Hóa chất định lượng thyroid-stimulating hormone (TSH)	Test	5,000	
3.4	Hóa chất hiệu chuẩn free triiodothyronine (FT3)	ml	30	
3.5	Hóa chất hiệu chuẩn free thyroxine (FT4)	ml	30	
3.6	Hóa chất hiệu chuẩn thyroid-stimulating hormone (TSH)	ml	30	



STT	Danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng Dự kiến	Ghi chú
3.7	Hóa chất kiểm chuẩn mức thấp cho các xét nghiệm FT3, FT4, T3, T4, TSH, Tg	ml	75	
3.8	Hóa chất kiểm chuẩn mức cao cho các xét nghiệm FT3, FT4, T3, T4, TSH, Tg	ml	75	
3.9	Hóa chất định lượng tổng số β human chorionic gonadotropin (Total β HCG)	Test	1,500	
3.10	Hóa chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm định lượng Total β human chorionic gonadotropin (HCG)	ml	42	
3.11	Hóa chất kiểm chuẩn mức thấp cho các xét nghiệm FSH, Prolactin, Estradiol, Progesterone, LH, Testosterone, Estriol, Total β HCG	ml	6	
3.12	Hóa chất kiểm chuẩn mức cao cho các xét nghiệm FSH, Prolactin, Estradiol, Progesterone, LH, Testosterone, Estriol, Total β HCG	ml	90	
3.13	Hóa chất định lượng Troponin I (TnI)	Test	2,000	
3.14	Hóa chất định lượng Creatine Kinase MB (CK-MB)	Test	300	
3.15	Hóa chất hiệu chuẩn Troponin I (TnI)	ml	36	
3.16	Hóa chất định lượng B-type natriuretic peptide (BNP)	Test	400	
3.17	Hóa chất hiệu chuẩn B-type natriuretic peptide (BNP)	ml	60	
3.18	Hóa chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm định lượng Creatine Kinase MB (CK-MB)	ml	30	
3.19	Hóa chất kiểm chuẩn cho các xét nghiệm Troponin I, BNP, CK-MB, Myoglobin (L)	ml	6	
3.20	Chất kiểm chuẩn cho các xét nghiệm Troponin I, BNP, CK-MB, Myoglobin (H)	ml	6	
3.21	Hóa chất định lượng kháng nguyên ung thư 125 (CA125)	Test	300	
3.22	Hóa chất định lượng kháng nguyên carbohydrate 19-9 (CA19-9)	Test	300	
3.23	Hóa chất định lượng kháng nguyên carcinoembryonic (CEA)	Test	500	
3.24	Hóa chất định lượng alpha-fetoprotein (AFP)	Test	500	
3.25	Hóa chất định lượng kháng nguyên ung thư 15-3 (CA15-3)	Test	300	
3.26	Hóa chất định lượng kháng nguyên ung thư 72-4 (CA72-4)	Test	500	
3.27	Hóa chất hiệu chuẩn định lượng Cancer Antigen 125 (CA125)	ml	36	
3.28	Hóa chất hiệu chuẩn định lượng Carbohydrate Antigen 19-9 (CA19-9)	ml	36	
3.29	Hóa chất hiệu chuẩn định lượng carcinoembryonic antigen (CEA)	ml	36	
3.30	Hóa chất hiệu chuẩn định lượng Alpha-fetoprotein (AFP)	ml	36	
3.31	Hóa chất hiệu chuẩn định lượng Cancer Antigen 15-3 (CA15-3)	ml	36	



STT	Danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng Dự kiến	Ghi chú
3.32	Hóa chất hiệu chuẩn định lượng Cancer Antigen 72-4 (CA72-4)	ml	36	
3.33	Chất kiểm chuẩn mức độ thấp các thông số miễn dịch	ml	60	
3.34	Chất kiểm chuẩn mức độ cao các thông số miễn dịch	ml	60	
3.35	Cuvette phản ứng	Cái	36,960	
3.36	Dung dịch đệm phản ứng	ml	4,500	
3.37	Dung dịch rửa	ml	400,000	
3.38	Dung dịch rửa, làm sạch kim	ml	3,000	
3.39	Dung dịch pha loãng mẫu	ml	120	
4	Phần 4 - Mua hóa chất, vật tư dùng cho máy xét nghiệm nước tiểu 10 thông số sử dụng nguyên lý Phương pháp đo 2 bước sóng phản xạ (01mặt hàng)			
4.1	Que thử nước tiểu 10 thông số	Test	50,000	
5	Phần 5 - Mua hóa chất, vật tư dùng cho máy điện giải đồ 5 thông số trực tiếp bằng phương pháp sử dụng điện cực (8 mặt hàng)			
5.1	Điện cực Clo	Cái	5	
5.2	Điện cực Canxi	Cái	3	
5.3	Điện cực pH	Cái	3	
5.4	Điện cực Natri	Cái	3	
5.5	Điện cực Kali	Cái	4	
5.6	Dung dịch rửa máy Ion đồ 5 thông số (K ⁺ , Na ⁺ , Cl ⁻ , Ca ²⁺ , pH)	ml	500	
5.7	Hóa chất chuẩn Ion đồ (K ⁺ , Na ⁺ , Cl ⁻ , Ca ²⁺ , pH)	ml	500	
5.8	Hóa chất thử các chất điện giải (K ⁺ , Na ⁺ , Cl ⁻ , Ca ²⁺ , pH)	ml	20,000	
6	Phần 6 - Mua sinh phẩm chẩn đoán invitro và hóa chất dùng để định nhóm máu ABO, Rh (4 mặt hàng)			
6.1	Thuốc thử xét nghiệm định tính nhóm máu hệ ABO (Anti AB)	ml	700	
6.2	Thuốc thử xét nghiệm định tính nhóm máu hệ ABO (Anti B)	ml	700	
6.3	Thuốc thử xét nghiệm định tính nhóm máu hệ ABO (Anti A)	ml	700	
6.4	Thuốc thử xét nghiệm định tính nhóm máu Rh (Anti D)	ml	700	



S/T	Danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng Dự kiến	Ghi chú
7	Phần 7 - Mua test nhanh chẩn đoán định tính (9 mặt hàng).		-	
7.1	Test nhanh định tính Rotavirus	Test	1,000	
7.2	Test nhanh định tính HIV	Test	7,000	
7.3	Test nhanh định tính viêm gan B (HBsAg)	Test	7,000	
7.4	Test thử HBeAg	Test	1,000	
7.5	Test nhanh định tính viêm gan C (HCV)	Test	6,000	
7.6	Test thử ma túy 5 chỉ số (Amphetamin, Marijuana, Morphin, Codein, Heroin)	Test	2,500	
7.7	Test nhanh định tính Dengue	Test	500	
7.8	Test nhanh phát hiện H.pylori (HP) dạ dày	Test	3,000	
7.9	Test nhanh định tính Cúm (A và B)	Test	10,000	
8	Phần 8 - Vật tư khác (5 mặt hàng)			
8.1	Giá đỡ ống nghiệm	Cái	10	
8.2	Kim chích	Cái	6,000	
8.3	Lam kính	Cái	8,000	
8.4	Ống hút nhỏ giọt (pipet)	Cái	6,000	
8.5	Ống li tâm	Cái	6,000	

Ghi chú:

1. Địa điểm cung cấp; các yêu cầu về vận chuyển, cung cấp, bảo quản thiết bị y tế:

- Địa điểm cung cấp: Bệnh viện đa khoa khu vực Phù Yên, tỉnh Sơn La.
- Các yêu cầu về vận chuyển, cung cấp, lắp đặt:

+ Việc đóng gói, ghi chú đối với hàng hóa, các giấy tờ bên trong và bên ngoài kiện hàng: Hàng hóa phải còn nguyên đai nguyên kiện. Nhà cung cấp phải đóng gói hàng hóa theo đúng yêu cầu và khuyến cáo của nhà sản xuất để tránh hư hỏng trong quá trình vận chuyển đến địa điểm giao nhận cuối cùng.

+ Trách nhiệm vận chuyển hàng hóa được thực hiện như sau: Theo hợp đồng, nhà thầu phải vận chuyển hàng hóa đến địa điểm dự án. Việc vận chuyển hàng hóa đến địa điểm dự án, bao gồm cả bảo hiểm và lưu kho theo quy định trong hợp đồng, do nhà thầu thực hiện; Các chi phí liên quan được tính trong giá hợp đồng.

2. Chất lượng hàng hóa và các yêu cầu khác

- Thiết bị y tế mới 100% theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất.

- Hạn sử dụng của hàng hoá: Tối thiểu còn 12 tháng tính từ thời điểm giao hàng hoặc tối thiểu bằng $\frac{1}{4}$ tổng hạn sử dụng của hàng hóa (trường hợp có hạn dùng ngắn hơn, Bên bán chỉ được giao hàng khi bên mua đồng ý).

Phụ lục 02
MẪU BÁO GIÁ

(Kèm theo Công văn số: 383 /CV - BVPY ngày 20/10/2026 của Bệnh viện đa khoa khu vực Phù Yên)

BÁO GIÁ

Kính gửi: Bệnh viện đa khoa khu vực Phù Yên



Trên cơ sở Công văn số: /CV- BV ngày 20/10/2026 của Bệnh viện đa khoa khu vực Phù Yên về việc Yêu cầu báo giá, chúng tôi...[ghi tên, địa chỉ của hãng sản xuất, nhà cung cấp; trường hợp nhiều hãng sản xuất, nhà cung cấp cùng tham gia trong một báo giá (gọi chung là liên danh) thì ghi rõ tên, địa chỉ của các thành viên liên danh] báo giá Mua hoá chất, vật tư dùng cho máy xét nghiệm và test nhanh chẩn đoán năm 2026-2027 của Bệnh viện đa khoa khu vực Phù Yên, như sau:

1. Báo giá cho các vật tư, hóa chất và dịch vụ liên quan

STT	Mã VT,HC	Danh mục hóa chất, vật tư	Thông số kỹ thuật	Ký, mã, nhãn hiệu, model	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Số lưu hành/ Số GPNK	Đơn vị tính	Số lượng/ khối lượng	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
1											
2											
....		Tổng cộng: 02 mặt hàng									

- Mã VT, HC: theo số thứ tự và mã tại phụ lục I, phục vụ công tác thống kê.

[Lưu ý: Các nhà cung ứng sẽ chào giá tới địa điểm giao hàng (có nghĩa là giá đã bao gồm tất cả các chi phí liên quan, các loại thuế liên quan phải trả nếu được trao Hợp đồng), Gửi kèm theo các tài liệu chứng minh về tính năng, thông số kỹ thuật và các tài liệu liên quan của thiết bị y tế (hàng hóa: hóa chất, vật tư dùng cho máy xét nghiệm)].

2. Báo cáo này có hiệu lực trong vòng: tối thiểu 90 ngày, kể từ ngày... tháng...năm ...*[Ghi ngày...tháng...năm... kết thúc nhận báo giá phù hợp với thông tin tại khoản 4 Mục 1- Yêu cầu báo giá]*.

3. Chúng tôi cam kết

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.
- Giá trị của thiết bị y tế nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh bán phá giá.
- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.

....., Ngày..... tháng..... năm...

**Đại diện hợp pháp của hãng sản xuất nhà
cung cấp**
(ký tên, đóng dấu)

